

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ  
NGÀNH: QUẢN LÝ CÔNG**

**Áp dụng khóa tuyển sinh năm 2023 trở về sau**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQT ngày 30 tháng 6 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)*

**1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: Quản lý Công;
- + Tiếng Anh: Public Management.
- Mã ngành đào: 9340403.
- Hình thức đào tạo: Chính quy.
- Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo tiến sĩ do Trường Đại học Quốc tế (ĐHQT), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) cấp bằng.
- Phương thức đào tạo: Phương thức 2.
- Thời gian đào tạo: 03 năm.
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Tiến sĩ Quản lý Công;
- + Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Public Management.
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt và Tiếng Anh.

**2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

**2.1 Kiến thức:**

Các nghiên cứu sinh (NCS) sẽ được trang bị các kiến thức chuyên sâu về chính sách công và kiến thức nền tảng về quản lý công, phân tích đánh giá chính sách công, và tiếp cận phương pháp nghiên cứu hiện đại trong phân tích và đánh giá chính sách công ở nhiều khía cạnh khác nhau. Chương trình đào tạo theo hướng chuyên sâu các kiến thức quản lý công hiện đại và ứng dụng phương pháp nghiên cứu khoa học tiên bộ của thế giới. Theo phương hướng này, chương trình chú trọng nâng cao các kiến thức về quản lý công, giúp NCS phát triển tư duy lý luận, kỹ năng phân tích, và xử lý các vấn đề phát sinh về lý thuyết cũng như các vấn đề về quản trị trong hoạt động thực tiễn nhằm định hướng NCS có thể có những đóng góp bổ sung, hoặc phát triển cơ sở lý thuyết mới.

Nhìn chung, chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu cấp bách về đội ngũ các nhà quản lý cấp cao, đó là những người có kiến thức chuyên sâu, có khả năng xử lý thông tin

hữu hiệu, có khả năng phát hiện vấn đề, có kỹ năng nghiên cứu khoa học, và có thể sáng tạo ra những tri thức khoa học mới.

Hướng tiếp cận của chương trình đào tạo cụ thể là giúp NCS có khả năng xây dựng và phát triển chính sách công, tham gia phản biện chính sách công và tham gia tư vấn thực thi chính sách công giúp hoàn thiện chính sách công, nâng cao chất lượng dịch vụ công, hướng tới Chính phủ kỹ thuật số và tinh giảm bộ máy quản lý theo hướng chuyên nghiệp hóa và minh bạch hóa thông tin thủ tục hành chính.

## **2.2 Kỹ năng đào tạo:**

a) Kỹ năng ngoại ngữ: các NCS sẽ có môi trường học tập và nghiên cứu tốt để nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo thông qua đọc hiểu tài liệu, thuyết trình báo cáo các nghiên cứu bằng tiếng Anh, và viết bài báo khoa học bằng tiếng Anh.

b) Kỹ năng nghiên cứu khoa học độc lập và hợp tác nghiên cứu các chuyên đề. Tham gia các hội nghị - hội thảo khoa học chuyên ngành, học hỏi kinh nghiệm viết và gửi bài nghiên cứu khoa học cho các hội nghị và các tạp chí khoa học.

c) Kỹ năng tiếp cận và giải quyết vấn đề đang gặp trong thực tế cuộc sống và quản lý công dưới góc nhìn của một nhà khoa học.

d) Kỹ năng thuyết trình trước đám đông, tổ chức và tham gia hội thảo khoa học.

đ) Tiếp cận các nguồn tài liệu hiện đại như: nguồn sách mới xuất bản rất phong phú đang được giảng dạy tại các trường đại học hàng đầu của thế giới và các bài báo khoa học từ rất nhiều tạp chí chuyên ngành nổi tiếng trên thế giới.

e) Đặc biệt là NCS sẽ có rất nhiều cơ hội làm việc và học hỏi kinh nghiệm nghiên cứu và giảng dạy cùng với các giảng viên đang giảng dạy tại trường ĐHQT.

g) NCS cùng với giảng viên xây dựng và phát triển chuyên sang Phát triển chính sách công (Policy development) nhằm tập hợp các nghiên cứu chuyên sâu về chính sách công tại Việt Nam và thế giới. Đồng thời mời các học giả nước ngoài tham gia đóng góp các nghiên cứu liên quan để từng bước nâng uy tín của chuyên sang thành tạp chí uy tín có trong danh mục của Scopus và Web of Science (WoS) (Chỉ bao gồm các danh mục chính: Science Citation Index Expanded (SCIE), Social Sciences Citation Index (SSCI), Arts & Humanities Citation Index (AH&CI), and Emerging Sources Citation Index (ESCI)).

## **2.3 Năng lực chuyên môn:**

a) Có khả năng tư vấn và giám sát vận hành thực thi chính sách công.

b) Có khả năng nâng cao trình độ tiếng Anh thông qua đọc tài liệu nghiên cứu và công bố bài báo khoa học bằng tiếng Anh.

c) Có khả năng phát triển tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng cao trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Nghiên cứu sinh có thể làm việc độc lập và sáng tạo, có năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động khoa học lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Sau khi tốt nghiệp, NCS có thể làm việc với tư cách là chuyên gia có trình độ cao tại các

cơ quan hành chính sự nghiệp; chính phủ; các trường đại học; các viện nghiên cứu; cơ quan quản lý hoạch định và tư vấn chính sách; các công ty lớn trong nước hoặc có vốn đầu tư nước ngoài; hoặc các công ty đa quốc gia. Ngoài ra, chương trình còn góp phần định hướng đào tạo cũng như tham gia đào tạo cán bộ giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý công, chính sách công và quản trị tổ chức, hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của ngành giáo dục tại Việt Nam.

#### **2.4 Vị trí hay công việc có thể đảm nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp NCS có thể trở thành các nhà nghiên cứu độc lập; các nhà nghiên cứu phân tích chính sách công làm việc cho các cơ quan hành chính công hay các viện nghiên cứu chính sách; các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực phân tích và hoạch định chiến lược cho các tập đoàn, đơn vị kinh tế lớn hay các cơ quan đầu ngành tại địa phương hoặc trung ương; làm giảng viên công tác tại trường đại học hay học viện; hay làm việc cho các tổ chức khác trong nước và quốc tế.

### **3. Yêu cầu đối với người học**

**3.1 Yêu cầu đối với thí sinh dự thi vào chương trình tiến sĩ của Trường:** được quy định bởi đề án tuyển sinh hàng năm của Trường ĐHQT bao gồm:

- a) Phương thức tuyển sinh
- b) Điều kiện và đối tượng tuyển sinh
- c) Điều kiện tiếng Anh

#### **3.2 Yêu cầu kết quả nghiên cứu đối với nghiên cứu sinh:**

NCS phải có ít nhất 02 bài báo bằng tiếng Anh đăng trên tạp chí hoặc hội thảo quốc tế uy tín được Hội đồng Giáo sư ngành Kinh tế tính điểm công trình theo quy định, khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, và liên quan đến kết quả nghiên cứu của luận án với vai trò là tác giả chính (First author) hoặc tác giả liên hệ (Corresponding author). Trong đó phải có ít nhất 01 bài được công bố trên tạp chí nằm trong danh mục tạp chí WoS hoặc Scopus. Tổng các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư ngành Kinh tế quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

Các bài báo, báo cáo khoa học, kết quả nghiên cứu, phải liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án. Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm thẩm định sự phù hợp nội dung các bài báo với đề tài nghiên cứu của luận án trên cơ sở đề xuất đơn vị chuyên môn.

Các công bố khoa học tính theo điểm do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định đối với ngành, liên ngành phù hợp với ngành đào tạo của NCS, được cập nhật theo các quy định hiện hành và quy định của Trường ĐHQT.

#### **3.3 Điều kiện được thay thế quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế**

NCS là tác giả chính (first author) hoặc tác giả liên hệ (Corresponding author) của tối thiểu 03 bài báo khoa học, trong đó có tối thiểu 02 bài đăng trên tạp chí thuộc Scopus

hoặc WoS. Tuy nhiên, việc NCS được miễn quy trình phản biện độc lập sẽ theo quy định chung về đào tạo tiến sĩ của Trường ĐHQT.

#### 4. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	Nội dung
1	Kiến thức: Về mặt kiến thức, học viên sẽ được trang bị những kiến thức chung về mục tiêu, đối tượng, phương pháp và phạm vi ảnh hưởng của khoa học quản lý công. Có kiến thức chuyên sâu về công tác lãnh đạo, quản lý, đặc biệt là lãnh đạo, quản lý hệ thống cơ quan nhà nước với kiến thức và kỹ năng phân tích, đánh giá, hoạch định và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội ở các đô thị, các khu vực và các vùng trong lĩnh vực hành chính sự nghiệp, sản xuất kinh doanh và dịch vụ công. Bên cạnh đó, học viên cũng được đào tạo về mối quan hệ biện chứng giữa ngành quản lý công với những chuyên ngành khoa học xã hội khác. Học viên sẽ có cơ hội thành đạt cao trong nghề quản lý, có điều kiện phát triển kỹ năng giao tiếp và hội nhập, phát triển năng lực tư duy cũng như nghệ thuật lãnh đạo và quản lý. Học viên cũng có nhiều cơ hội làm nghiên cứu viên trong lĩnh vực Quản lý công trong và ngoài nước.
2	Quan điểm chính trị: Học viên hiểu cấu trúc và nguyên tắc của hệ thống chính trị Việt Nam và định hướng của nó.
3	Kỹ năng phân tích: Mục đích chính của chương trình là để giáo dục nghề nghiệp cho học viên một cách chuyên nghiệp trong dịch vụ công bao gồm quản lý và phân tích chính sách trong các tổ chức chính phủ và phi lợi nhuận.
4	Kỹ năng nghiên cứu: Học viên thể hiện khả năng nghiên cứu. Cụ thể, học viên sẽ có khả năng nghiên cứu các luật, quy định, tiêu chuẩn, quyết định và thông tư liên quan khi đối mặt với các vấn đề về tổ chức chính phủ và đề xuất các giải pháp hiệu quả và hiệu quả cho doanh nghiệp.
5	Kỹ năng tổ chức: Học viên thể hiện kỹ năng tổ chức và quản lý trong quản lý công chúng. Học viên có khả năng tham gia vào công tác tổ chức bộ máy và điều hành hoạt động các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Học viên cũng có khả năng tư duy, phân tích và tổng hợp thông tin phục vụ cho hoạt động lãnh đạo, quản lý nhà nước.
6	Kỹ năng xử lý thông tin: học viên thể hiện khả năng sử dụng phần mềm tiên tiến trong lĩnh vực để xử lý thông tin (MS-Office và phần mềm chuyên ngành).
7	Kỹ năng nhóm: Học viên thể hiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. Ngoài ra, học viên có cơ hội tiếp xúc và tương

	tác qua các đơn vị bao gồm các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước ở trung ương và địa phương; các tổ chức, đoàn thể xã hội; các đơn vị hoạt động dịch vụ công; các trường đại học, viện nghiên cứu; các tổ chức tư vấn về các vấn đề kinh tế - xã hội; làm việc, tham gia các dự án phát triển kinh tế - xã hội, làm việc trong các doanh nghiệp, các công ty, các tổ chức tài chính - tín dụng, vv.
8	Đạo đức nghề nghiệp: Học viên tuân thủ quy tắc đạo đức từ những bước đầu trong chương trình học quản lý công. Tính trung thực, khách quan, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp sẽ được trau dồi trong chương trình học. Ngoài ra, chương trình đề cao việc giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín nghề nghiệp; không lạm dụng vị trí công tác, nhiệm vụ được phân công để trục lợi; đoàn kết, sáng tạo, sẵn sàng tiếp thu, học hỏi cái mới, tự nâng cao trình độ; có ý thức phối hợp, giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác; tích cực tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật để phát triển nghề nghiệp và nâng cao trình độ.
9	Nhận thức và quan điểm về quá trình toàn cầu hoá: Học viên nhạy bén với các cơ hội và thách thức về các khía cạnh kinh tế, xã hội, chính trị và xu hướng công nghệ trong bối cảnh xã hội ngày nay. Bên cạnh đó, học viên nhận thức được những điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu và có thể chứng minh được năng lực của bản thân trong nền kinh tế toàn cầu.
10	Học tập suốt đời: Chương trình tiến sĩ Quản lý Công tại Trường ĐHQT được thiết kế để phát triển kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm giáo dục để làm việc hiệu quả ở tất cả các cấp quản lý khu vực công, các tập đoàn lớn và các tổ chức trong và ngoài nước khác, cũng như trong các nỗ lực thành các chuyên gia đầu ngành.

### 5. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)

Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học

Mã số	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (AACSB)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
DP1001	Chính sách công (Public Policy)	X		X	X	X	X	X	X	X	X
DP1002	Nền tảng quản lý công (Foundations of Public Administration)	X		X	X	X	X	X	X	X	X
DP1003	Phân tích chính sách công (Public Policy Analysis)	X		X	X	X	X	X	X	X	X
DP1004	Phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính trong	X		X	X	X	X	X		X	X

	QLC (Research Methodology (Quantitative and Qualitative method) in Public Administration)										
DP1005	Nghiên cứu chuyên đề I (Selective Topic I in Public Management)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
DP1006	Nghiên cứu chuyên đề II (Selective Topic II in Public Management)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
DP2001	Quản trị toàn cầu (Global Governance)	X		X	X	X	X	X		X	X
DP2002	Chiến lược xây dựng chính phủ kỹ thuật số (Building Digital Government Strategies)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
DP2003	Nền tảng của chính sách xã hội (Foundations of Social Policy)	X		X	X	X		X		X	X
DP2004	Quản trị và phát triển bền vững (Governance & Sustainable Development)	X		X	X	X	X	X		X	X
DP2005	Khoa học, công nghệ và an ninh thế giới (Science, Technology and International Security)	X		X	X	X	X	X		X	X
DP2006	Chính trị trong quản lý công (Politics in public management)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
DP2007	Chính sách thương mại và chuỗi giá trị toàn cầu (Trade Policy and Global Value Chains)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
DP2008	Hội thảo 1: Thách thức quản lý công trong bối cảnh hội nhập (Seminar 1: The challenges of public management in the global integration)	X		X	X	X	X	X		X	X
DP2009	Hội thảo 2: Đánh giá và vận dụng một số mô hình quản lý công thành công trên thế giới (Seminar 2: Evaluating and implicating some successful models of public management in foreign countries)	X		X	X	X	X	X		X	X

DP2010	Hội thảo 3: Đánh giá và tận dụng ảnh hưởng của mạng xã hội trong việc định hướng phát triển chính sách công phù hợp (Seminar 3: Evaluating and utilizing social networks to develop public policy)	X		X	X	X	X	X		X	X
DP1007	Tiểu luận tổng quan (Comprehensive Proposal in Public Management)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
DP3000	Luận án (Doctoral Dissertation)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

**6. Thời gian đào tạo:** Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

Phương thức đào tạo	Thời gian đào tạo
Phương thức 2	03 năm

**7. Điều kiện tốt nghiệp**

Được quy định tại Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHQT.

**8. Nội dung chương trình đào tạo:**

**8.1 Khái quát chương trình:** Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

Phương thức đào tạo	Tổng số tín chỉ tích lũy	Số tín chỉ			
		Học phần tiến sĩ		Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan	Luận án
		Bắt buộc	Tự chọn		
Phương thức 2	90	09	06	07	68

Tùy từng trường hợp cụ thể Hội đồng chuyên môn xem xét đề nghị học phần bổ sung từ 10-14 tín chỉ từ chương trình thạc sĩ (\*).

- Đối với ứng viên có văn bằng thạc sĩ sau: Khoa học quản lý (8340401); Quản trị nhân lực (8340404); Hệ thống thông tin quản lý (8340405); Quản trị văn phòng (8340406); Quản lý khoa học và công nghệ (8340412); Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (8340417); Quản trị kinh doanh (8340101); Kinh doanh thương mại (8340121); Tài chính-Ngân hàng (8340201); Bảo hiểm (8340204); Kế toán (8340301); Quản lý kinh tế (8340410). Đối với các chuyên ngành gần, người dự tuyển sẽ nộp bảng điểm chương trình học thạc sĩ, và nhà trường sẽ có Hội đồng chuyên môn xem xét đề nghị học bổ sung kiến thức. Số lượng cần phải bổ sung **tối đa 05 môn học (10 tín chỉ)**: bao gồm 06 tín chỉ trong khối kiến thức bắt buộc và 04 tín chỉ trong khối kiến thức tự chọn.

- Đối với ứng viên có văn bằng thạc sĩ sau: Kinh tế học (8310101); Kinh tế chính trị (8310102); Kinh tế đầu tư (8310104); Kinh tế phát triển (8310105); Kinh tế quốc tế (8310106); Thống kê kinh tế (8310107); Toán kinh tế (8310108); Quan hệ quốc tế (8310206); Quản lý giáo dục (8140114); Quản lý bệnh viện (8720802). Đối với các chuyên ngành phù hợp, người dự tuyển sẽ nộp bằng điểm chương trình học thạc sĩ, và nhà trường sẽ có Hội đồng chuyên môn xem xét đề nghị học bổ sung kiến thức. Số lượng cần phải bổ sung **tối đa 07 môn học (14 tín chỉ)**: bao gồm 06 tín chỉ trong khối kiến thức bắt buộc và 08 tín chỉ trong khối kiến thức tự chọn.

## 8.2 Danh mục các môn học:

Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ:

### Danh mục các môn học

TT	Mã số học phần/môn học	Tên học phần/môn học (tiếng Anh/tiếng việt)	Khối lượng (tín chỉ)			Học kỳ
			Tổng số	LT	TH, TN, TL	
<b>I</b>	<b>CÁC HỌC PHẦN TIỀN SĨ</b>		<b>15</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	
<b>I.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	
1	DP1001	Chính sách công (Public Policy)	2	2	0	1
2	DP1002	Nền tảng quản lý công (Foundations of Public Administration)	2	2	0	1
3	DP1003	Phân tích chính sách công (Public Policy Analysis)	2	2	0	1
4	DP1004	Phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính trong QLC (Research Methodology Quantitative and Qualitative method in Public Administration)	3	3	0	1
<b>I.2</b>	<b>Các học phần tự chọn:</b>		<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	
1	DP2001	Quản trị toàn cầu (Global Governance)	2	2	0	2
2	DP2002	Chiến lược xây dựng chính phủ kỹ thuật số (Building Digital Government Strategies)	2	2	0	2



3	DP2003	Nền tảng của chính sách xã hội (Foundations of Social Policy)	2	2	0	2
4	DP2004	Quản trị và phát triển bền vững (Governance & Sustainable Development)	2	2	0	2
5	DP2005	Khoa học, công nghệ và an ninh thế giới (Science, Technology and International Security)	2	2	0	2
6	DP2006	Chính trị trong quản lý công (Politics in public management)	2	2	0	2
7	DP2007	Chính sách thương mại và chuỗi giá trị toàn cầu (Trade Policy and Global Value Chains)	2	2	0	2
8	DP2008	Hội thảo 1: Thách thức quản lý công trong bối cảnh hội nhập (Seminar 1: The challenges of public management in the global integration)	2	2	0	3
9	DP2009	Hội thảo 2: Đánh giá và vận dụng một số mô hình quản lý công thành công trên thế giới (Seminar 2: Evaluating and implicating some successful models of public management in foreign countries)	2	2	0	3
10	DP2010	Hội thảo 3: Đánh giá và tận dụng ảnh hưởng của mạng xã hội trong việc định hướng phát triển chính sách công phù hợp (Seminar 3: Evaluating and utilizing social networks to develop public policy)	2	2	0	3
<b>II</b>	<b>CHUYÊN ĐỀ, TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>		<b>7</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	
<b>II.1</b>	<b>Chuyên đề</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
1	DP1005	Nghiên cứu chuyên đề I (Selective Topic 1 in Public Management)	2	0	2	3

2	DP1006	Nghiên cứu chuyên đề II (Selective Topic 2 in Public Management)	2	0	2	3
<b>II.2</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	
1	DP1007	Tiểu luận tổng quan (Comprehensive Proposal in Public Management)	3	0	3	3
<b>III</b>	<b>LUẬN ÁN</b>		<b>68</b>			2-6
<b>Tổng cộng</b>			<b>90</b>			

**(\*) DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG TỪ 10-14 TÍN CHỈ**

TT	Mã môn học	Tên môn học	Khối lượng (số tín chỉ)		
			Tổng cộng	LT	TH, TN, TL
<b>I</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC: 03 môn</b>		<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>
1	PM5220	Quản lý công (Public Management)	2	2	0
2	PM5103	Tài chính công và hoạch định ngân sách (Public Finance and Budgeting)	2	2	0
3	PM5108	Phương pháp nghiên cứu định lượng trong quản lý công (Quantitative Research Method in Public Administration)	2	2	0
4	PM5109	Phương pháp nghiên cứu định tính trong quản lý công – nghiên cứu tình huống (Qualitative Research Method in Public Administration – Case study)	2	2	0
5	MG5203	Quan hệ công chúng, giao tế và thương thuyết: Lý thuyết và ứng dụng (Public relations, Communication and Negotiation: Theory and Practice)	2	2	0
<b>II</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC TỰ CHỌN: 02 - 04 môn</b>		<b>4-8</b>	<b>4-8</b>	<b>0</b>
1	PM5221	Quản trị chiến lược trong lĩnh vực công (Strategic Management For Public Purposes)	2	2	0
2	PM5222	Phân tích và Đánh giá Chính sách dựa vào bằng chứng (Evidence-based Policy Analysis and Evaluation)	2	2	0

3	PM5110	Kinh tế hành vi và chính sách công (Behavioral Economics and Public Policy)	2	2	0
4	PM5104	Quản trị nhân sự trong khu vực công (Human Resource Management in Public Sector)	2	2	0
5	MG5202	Quản trị thay đổi và khủng hoảng (Crisis Change Management)	2	2	0
6	EC5104	Ứng dụng lý thuyết kinh tế trong chính sách công (Applied Public Sector Economics)	2	2	0
7	PM5102	Xây dựng và thực thi chính sách công (Systemic and Integrated Policy Formulation)	2	2	0
8	PM5212	Kỹ năng lãnh đạo trong khu vực công (Public Service Leadership)	2	2	0
9	PM5223	Chính phủ Kỹ thuật số: Đổi mới Công nghệ, Chính sách và Dịch vụ công (Digital Government: Technology, Policy, and Public Service Innovation)	2	2	0
10	PM5214	Kinh tế lượng và phân tích chính sách (Econometrics for Public Policy Analysis)	2	2	0
11	PM5201	Thẩm định đầu tư công (Appraisal for Public Investment)	2	2	0
12	PM5204	Chính sách phát triển đô thị (Urban Growth and Development)	2	2	0
13	MG5107	Quy hoạch và phát triển kinh tế xã hội vùng & địa phương (Cluster and National Competitiveness)	2	2	0
14	MG5204	Nghiên cứu tình huống trong quản lý công (Case studies in Public Management)	2	2	0
15	EC5105	Kinh tế phát triển (Economic Development)	2	2	0

Quy định nghiên cứu, công bố khoa học theo quy định hiện hành của Trường ĐHQT

NCS có bài báo theo quy định được xem xét miễn bảo vệ chuyên đề tiến sĩ. Cụ thể, NCS nộp các bài báo khoa học được Hội đồng Giáo sư ngành Kinh tế tính điểm công trình từ 0.75 điểm trở lên và có liên quan đến nội dung của luận án thì không phải báo cáo chuyên đề trước Tiểu ban đánh giá. **Một bài báo khoa học được xem là sản phẩm thay thế cho một chuyên đề với kết quả đánh giá “Đạt”./.**